

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11- 2020

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa

Bà Phan Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đoàn Anh T, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm N, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 51, tổ 16, phường Q, thành phố X, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Lã Hồng A, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm N, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài. (Dubai). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Đoàn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lã Hồng A kết hôn ngày 24/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm N, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và xô sát. Sau đó chị A bỏ về nhà ngoại tại phường G, thành phố X, tỉnh Thái Nguyên ở. Đến cuối năm 2017 anh T được biết chị A đi lao động xuất khẩu ở Dubai. Hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, chị A vẫn đang làm việc ở nước ngoài nhưng anh T không biết địa chỉ cụ thể nên anh không thể cung cấp cho Tòa án. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 20/01/2012, hiện đang ở cùng anh T. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản làm việc vào các ngày 09/10/2020 và ngày 29/10/2020 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Lã Văn L là bố đẻ của chị Lã Hồng A, xác định sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông có thông tin cho chị A biết thì chị có gửi văn bản trả lời quan điểm về việc giải quyết vụ án ly hôn về cho gia đình và thông tin lại cho gia đình với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân, chị A xác định như anh T đã khai là đúng. Hai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống với nhau nhưng do có mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm nên chị đã bỏ về nhà ngoại ở rồi làm thủ tục sang Dubai làm việc. Nay chị A xác định vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm nhau nên việc anh T xin ly hôn chị nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 20/01/2012 như anh T khai là đúng. Do chị đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con nên chị nhất trí để anh T nuôi con, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị giải quyết.

Hiện chị A đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 7029/CAT(PA01/XNC) ngày 18/7/2020 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định chị A đã xuất cảnh ngày 10/10/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án có yếu tố nước ngoài

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị A ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân trong nước của chị A là ông Lã Văn L, có đủ căn cứ xác định chị A vẫn thường xuyên liên lạc với ông nhưng ông L không cung cấp được địa chỉ của chị A ở nước ngoài. Chị A có gửi văn bản thể hiện quan điểm của chị về việc giải quyết ly hôn về Việt Nam, chị xác định do tình hình dịch bệnh bên Dubai diễn biến phức tạp nên chị không thể xin được xác nhận của lãnh sự quán của Việt Nam tại Dubai và chị A cam kết chịu trách nhiệm về lời khai của mình trong văn bản thể hiện quan điểm. Quá trình xác minh lần hai, Ông L có cung cấp văn bản thể hiện quan điểm của chị A cho Tòa án và xác định đó là văn bản có chữ ký, chữ viết của chị A gửi về cho gia đình. Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ cụ thể của chị A ở Dubai hiện nay lần thứ hai nhưng ông L cũng vẫn không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Trần Đoàn Anh T và chị Lã Hồng A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T khai: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống với gia đình chồng tại xóm N, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên chị A có bỏ về nhà ngoại ở. Đến cuối năm 2017, chị A đi lao động xuất khẩu ở Dubai. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân và không còn liên lạc, quan tâm nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Phía bị đơn chị A có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án và thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, chị A cũng xác định anh T và chị A đã không còn giữ liên lạc, không còn quan tâm, yêu thương nhau, về việc anh T xin ly hôn chị A cũng nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh T và chị A đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho anh T được ly hôn chị A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Anh V sinh ngày 20/01/2012, hiện đang ở cùng anh T. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Thông qua đại diện thân nhân là ông Lã Văn L và văn bản của chị A thể hiện chị A nhất trí để anh T trực tiếp nuôi con. Do chị A đang ở nước ngoài và

hiện cháu V đang ở cùng bố nên giao con chung là cháu Trần Anh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng, Anh T không yêu cầu, chị A cũng thể hiện quan điểm nhất trí và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị A. Chị A có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, phía chị A thể hiện quan điểm không đề nghị xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đoàn Anh T, cho anh T được ly hôn với chị A; Con chung: Giao cháu Trần Anh V, sinh ngày 20/01/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đoàn Anh Tuấn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đoàn Anh T được ly hôn với chị Lã Hồng A.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Anh V, sinh ngày 20/01/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho chị A do anh T không yêu cầu. Chị A có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Đoàn Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008947 ngày 01/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị A được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Quy Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương

